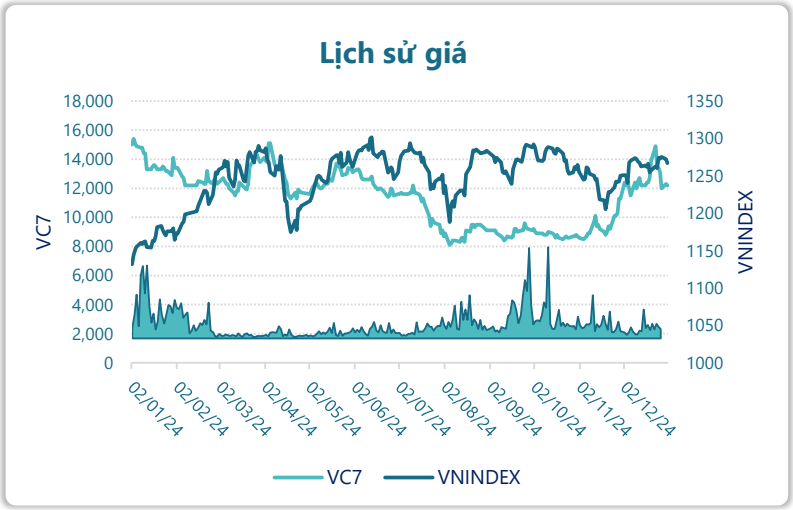
FireAnt

CTCP Tập đoàn BGI (HNX: VC7)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	96,090,556
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,325,630
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,172
P/E	131.5
EPS	93

DT thuần

Q4/24

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.7| 101%

YoY: ▼9.00| -7.7%

LN sau thuế

Q4/24

-1.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.13| -185%

YoY: ▼16.8| -113%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.4%

+/- YoY: ▼ 8.3%

DT thuần

2024

294

tỷ VNĐ

YoY: ▼79.0| -21.3%

LN sau thuế

2024

9.73

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.8| -77.1%

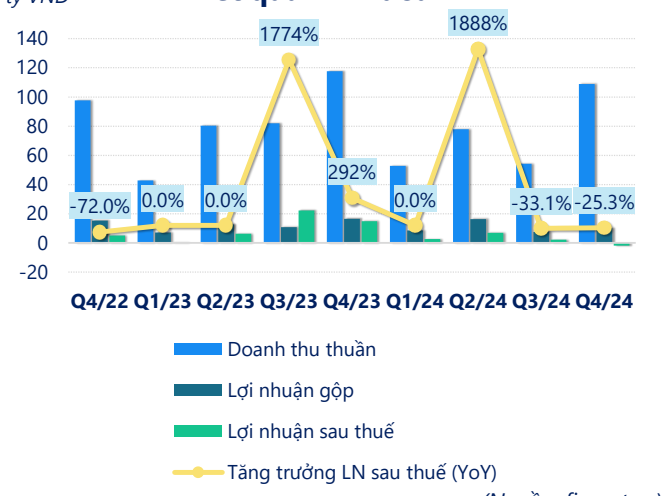
ROE

2024

0.9%

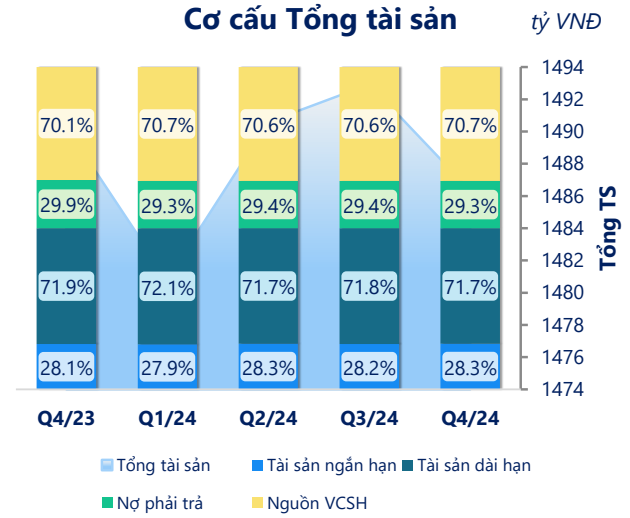
+/- YoY: ▼ 4.3%

Kết quả kinh doanh



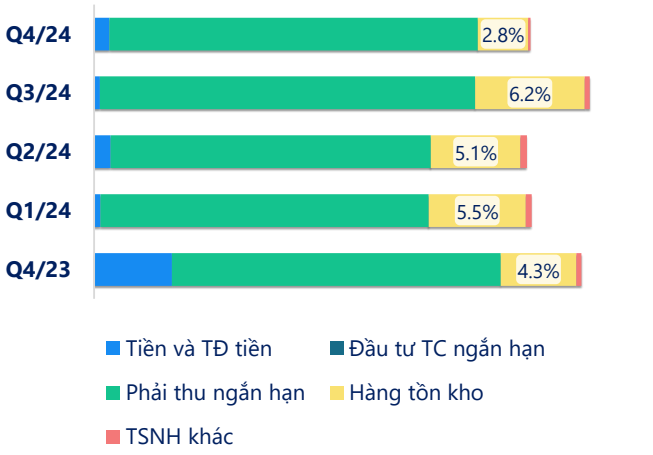
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



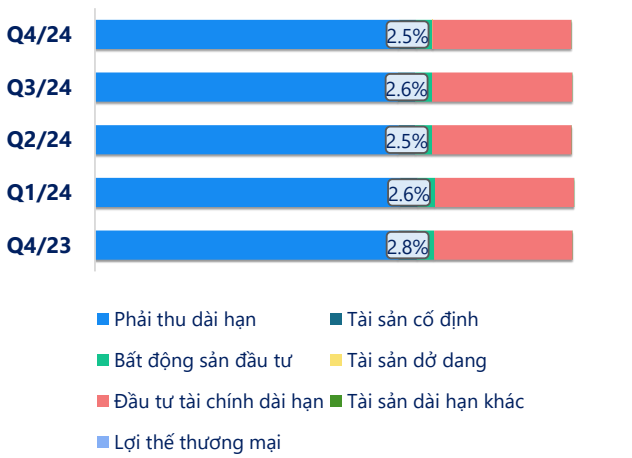
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



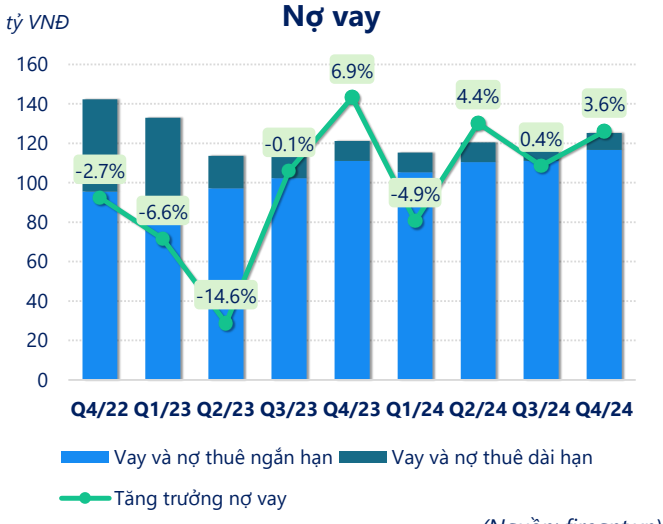
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



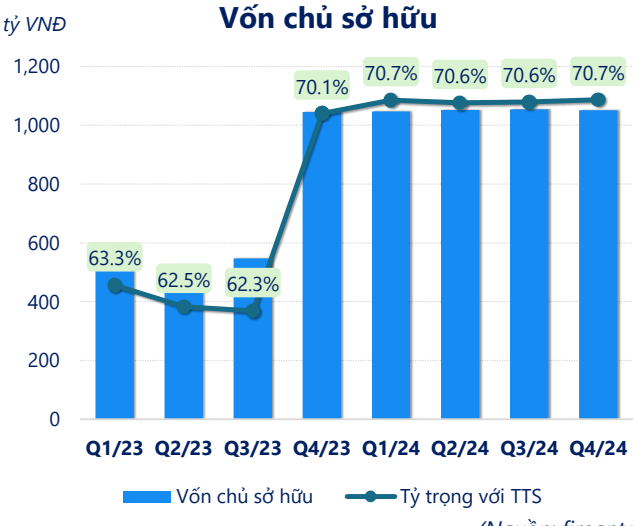
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



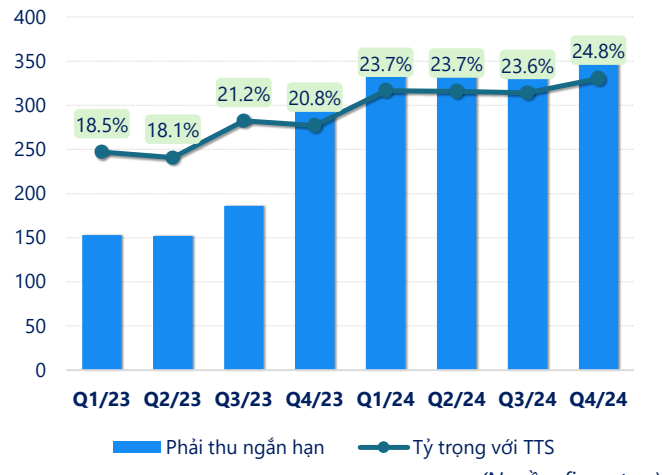
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



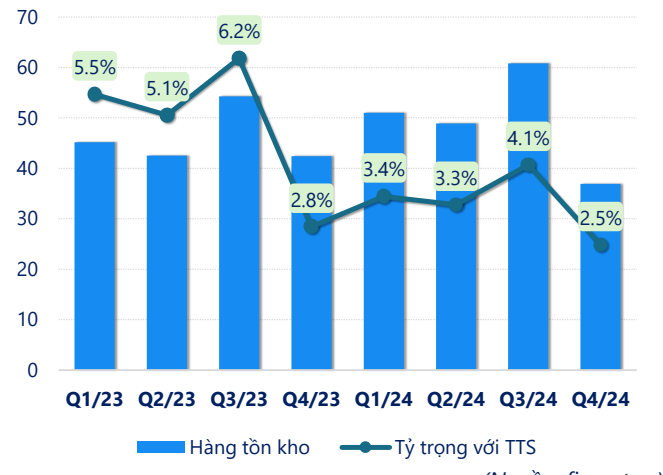
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



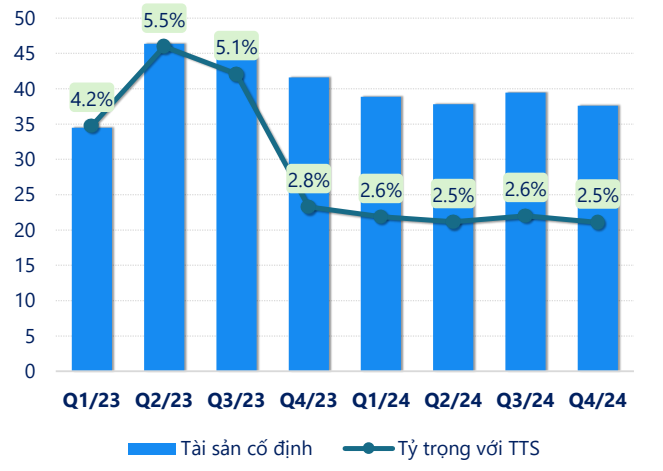
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



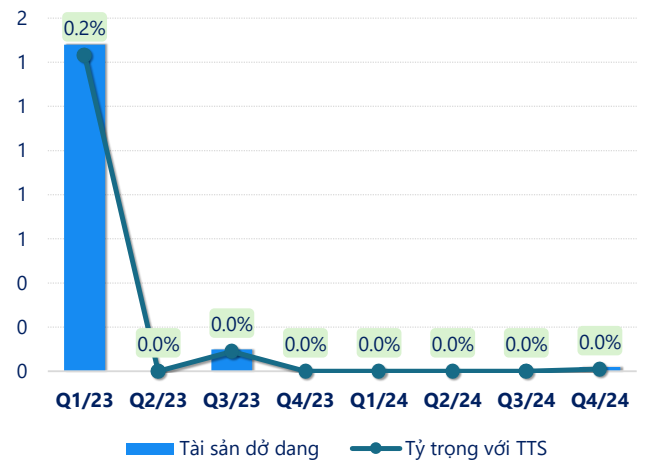
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



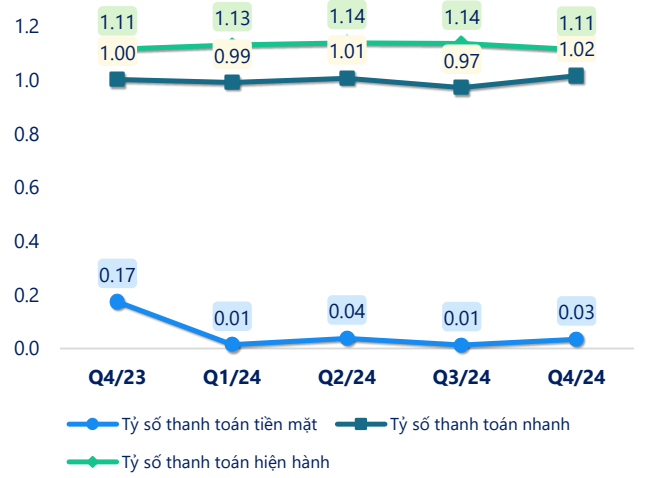
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



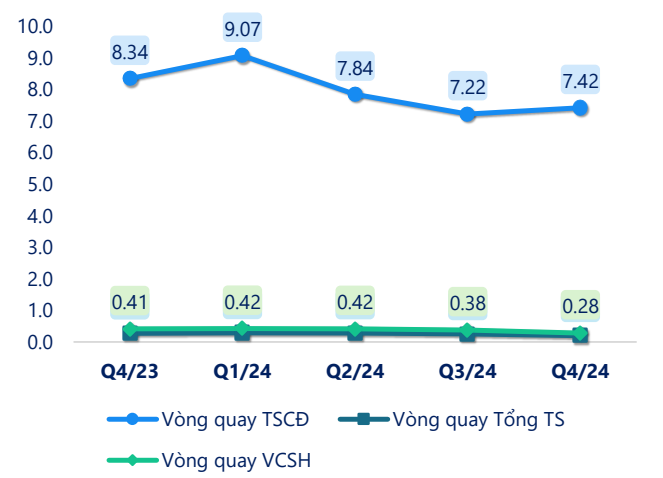
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,490**	**1,481**	**1,491**	**1,493**	**1,486**
Tài sản ngắn hạn	**419**	**413**	**421**	**421**	**421**
Tiền và tương đương tiền	65.5	5.25	14.0	4.82	13.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	3.12	3.12	0.50	1.08
Phải thu ngắn hạn	310	352	353	352	368
Hàng tồn kho	42.4	51.0	48.9	60.8	36.9
Tài sản ngắn hạn khác	1.79	2.40	2.39	3.14	2.04
Tài sản dài hạn	**1,071**	**1,067**	**1,069**	**1,072**	**1,065**
Phải thu dài hạn	680	680	680	680	680
Tài sản cố định	41.6	38.9	37.8	39.4	37.6
Bất động sản đầu tư	38.8	38.2	37.7	37.1	36.6
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.02
Đầu tư tài chính dài hạn	310	310	313	315	310
Tài sản dài hạn khác	0.27	0.21	0.21	0.17	0.20
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**445**	**434**	**439**	**439**	**436**
Nợ ngắn hạn	**376**	**366**	**370**	**371**	**378**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	105	110	111	117
Phải trả người bán ngắn hạn	93.1	82.7	81.5	76.2	65.9
Nợ dài hạn	68.9	68.6	68.8	68.4	57.7
Vay và nợ thuê dài hạn	10.1	9.92	10.0	9.80	8.64
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,045**	**1,046**	**1,052**	**1,054**	**1,051**
Vốn chủ sở hữu	**1,045**	**1,046**	**1,052**	**1,054**	**1,051**
Vốn điều lệ	961	961	961	961	961
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)